BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000001	Bùi Hoàng Thúy An	31/03/2008	11B1	3.75	5.50	7.20
2	000013	Lê Nguyễn Lan Anh	15/10/2008	11B1	5.00	6.50	7.95
3	000025	Dương Bá Bảo	12/06/2008	11B1	8.25	7.50	10.00
4	000038	Mai Thị Minh Châu	13/10/2008	11B1	8.00	6.50	8.10
5	000039	Nguyễn Trần Bửu Châu	14/12/2008	11B1	4.25	5.50	6.45
6	000054	Lâm Tấn Dũng	18/08/2008	11B1	8.50	6.50	9.60
7	000055	Nguyễn Mạnh Duy	04/10/2008	11B1	6.75	5.50	8.90
8	000057	Nguyễn Thế Duy	10/01/2008	11B1	6.50	7.50	9.30
9	000060	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	29/10/2008	11B1	3.35	5.00	Vắng
10	000066	Nguyễn Triều Dương	15/06/2008	11B1	5.00	5.50	9.70
11	000072	Nguyễn Lê Minh Đạt	06/08/2008	11B1	8.25	4.00	8.10
12	000089	Nguyễn Hoàng Hải	07/04/2008	11B1	9.00	6.50	8.70
13	000092	Nguyễn Lê Kim In Han	05/04/2008	11B1	9.25	6.50	8.40
14	000099	Nguyễn Tân Vĩnh Hảo	18/05/2008	11B1	7.50	6.00	9.00
15	000103	Trần Dương Hồng Hân	27/02/2008	11B1	7.25	7.00	8.40
16	000124	Huỳnh Đức Huấn	27/05/2007	11B1	8.25	7.50	9.90
17	000131	Lê Đức Huy	27/01/2008	11B1	7.25	7.00	7.40
18	000136	Trần Hoàng Quang Huy	09/09/2008	11B1	8.25	6.00	8.50
19	000141	Nguyễn Trần Gia Huy	28/07/2008	11B1	9.50	5.50	8.40
20	000150	Nguyễn Phạm Thanh Hương	18/09/2008	11B1	6.50	5.50	10.00
21	000168	Huỳnh Duy Khoa	06/04/2008	11B1	8.00	5.50	9.40
22	000170	Phạm Trần Đình Khôi	02/06/2008	11B1	9.00	5.50	9.00
23	000186	Nguyễn Thanh Lam	10/01/2008	11B1	8.30	7.50	5.50
24	000199	Phan Huỳnh Duy Lĩnh	13/07/2008	11B1	7.75	7.50	8.60
25	000201	Đỗ Hoàng Long	10/04/2008	11B1	8.25	7.00	8.85
26	000202	Nguyễn Xuân Long	07/04/2008	11B1	8.50	7.00	9.45
27	000223	Đoàn Nguyễn Trà My	10/03/2008	11B1	9.00	7.00	8.90
28	000240	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/11/2008	11B1	7.75	6.00	10.00
29	000247	Trương Hồng Ngọc	20/10/2008	11B1	7.00	7.00	7.70
30	000266	Nguyễn Thiện Nhân	29/01/2008	11B1	8.30	6.50	9.10
31	000267	Thái Xuân Thiện Nhân	05/08/2008	11B1	9.50	5.50	9.50
32	000284	Võ Nguyễn Tâm Như	14/03/2008	11B1	Vắng	Vắng	Vắng
33	000289	Lê Nguyễn Nhật Ny	16/11/2008	11B1	5.75	7.50	7.25
34	000297	Huỳnh Ngọc Triệu Phong	01/11/2008	11B1	5.50	7.00	4.90
35	000315	Vũ Nguyễn Khánh Phương	17/08/2008	11B1	8.80	5.00	6.90
36	000323	Nguyễn Bảo Quốc	15/08/2008	11B1	7.80	6.00	7.00
37	000338	Đào Thị Hồng Son	13/05/2008	11B1	8.80	8.50	9.30
38	000347	Nguyễn Thiện Tâm	17/05/2008	11B1	7.30	7.50	7.20
39	000353	Nguyễn Tấn Thanh	08/11/2008	11B1	8.30	7.00	9.30
40	000377	Huỳnh Tấn Thịnh	08/09/2008	11B1	4.50	5.00	6.40
41	000380	Đặng Phi Thuần	12/02/2008	11B1	4.50	5.50	6.40
42	000395	Lê Minh Tiến	01/01/2008	11B1	7.75	5.50	7.10
43	000402	Mang Cao Tính	03/05/2008	11B1	6.75	7.00	4.90
44	000416	Ngô Minh Trí	26/06/2008	11B1	3.50	6.50	3.70
45	000425	Phan Thành Trung	16/02/2008	11B1	9.00	6.50	5.30
46	000479	Ngô Thị Như Ý	13/06/2008	11B1	8.25	6.00	9.90
		Tỷ lệ trên trung bình			**86.67**	**97.78**	**93.18**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000032	Cao Trần Gia Bảo	20/03/2008	11B2	8.25	6.00	7.60
2	000043	Ngô Thành Công	11/03/2008	11B2	8.50	6.00	8.60
3	000053	Huỳnh Quốc Dũng	23/01/2008	11B2	5.60	4.50	7.10
4	000059	Đặng Mỹ Duyên	02/02/2008	11B2	7.00	7.00	8.70
5	000061	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	08/01/2008	11B2	6.25	7.50	9.40
6	000065	Nguyễn Minh Dương	02/07/2008	11B2	4.25	5.50	6.50
7	000074	Huỳnh Nguyên Đạt	24/02/2008	11B2	8.25	7.00	9.20
8	000078	Nguyễn Hoàng Đăng	23/06/2008	11B2	5.00	4.50	3.70
9	000110	Nguyễn Thị Minh Hậu	13/08/2008	11B2	4.00	6.50	6.25
10	000120	Lê Tiến Hoàng	13/05/2008	11B2	7.00	7.00	3.70
11	000138	Nguyễn Lê Nhật Huy	02/07/2008	11B2	8.00	6.00	7.90
12	000139	Nguyễn Phan Tuấn Huy	28/04/2008	11B2	2.85	3.50	3.60
13	000146	Ngô Gia Hưng	21/04/2008	11B2	4.00	6.50	8.20
14	000157	Nguyễn Tấn Khang	23/02/2008	11B2	7.50	6.00	4.00
15	000160	Lê Huỳnh Xuân Khánh	16/03/2008	11B2	6.50	6.00	7.80
16	000179	Phan Anh Kiệt	07/12/2008	11B2	6.30	6.50	8.10
17	000192	Trần Đặng Hà Linh	16/12/2008	11B2	7.50	6.00	7.60
18	000205	Lê Duy Lợi	01/04/2008	11B2	8.50	6.50	9.90
19	000207	Nguyễn Thị Tiến Lợi	08/01/2008	11B2	8.00	7.50	9.30
20	000208	Trần Ngọc Luận	15/04/2008	11B2	8.00	6.50	8.95
21	000215	Trần Đăng Minh	07/11/2008	11B2	4.00	6.50	9.30
22	000235	Chu Thành Nam	20/07/2008	11B2	4.75	5.00	6.70
23	000261	Nguyễn Bùi Thuận Nhân	07/10/2008	11B2	3.75	6.50	7.05
24	000287	Huỳnh Thanh Yến Như	20/09/2008	11B2	9.00	6.00	8.70
25	000309	Ngô Hồng Phúc	03/10/2008	11B2	5.50	5.00	8.50
26	000314	Phan Đỗ Mai Phương	13/09/2008	11B2	8.30	6.00	8.75
27	000320	Phạm Ngọc Quang	22/02/2008	11B2	5.30	5.50	6.20
28	000321	Kiều Thái Quang	09/06/2008	11B2	3.80	5.00	5.35
29	000340	Bùi Ngọc Tài	26/06/2008	11B2	8.30	7.00	8.40
30	000342	Lưu Văn Tài	06/03/2008	11B2	9.50	7.50	7.70
31	000345	Nguyễn Ngọc Tâm	12/01/2008	11B2	9.50	7.00	9.00
32	000352	Cao Văn Thái	14/12/2007	11B2	8.50	6.00	5.20
33	000366	Nguyễn Lê Nhựt Thiên	23/12/2008	11B2	9.50	5.50	5.60
34	000372	Nguyễn Nhật Thiện	03/02/2008	11B2	4.00	5.50	8.30
35	000376	Bùi Lê Đức Thịnh	06/06/2008	11B2	7.30	7.00	8.20
36	000384	Nguyễn Anh Thư	13/08/2008	11B2	8.80	4.50	6.90
37	000391	Lê Hồng Phi Thứ	12/06/2008	11B2	4.75	5.50	7.90
38	000413	Đào Nguyễn Bảo Trân	14/01/2008	11B2	4.25	7.50	4.60
39	000429	Nguyễn Minh Tú	08/10/2008	11B2	7.75	7.00	5.50
40	000432	Phạm Đình Tuấn	09/02/2008	11B2	6.00	7.50	7.55
41	000434	Võ Kim Tuấn	29/01/2008	11B2	4.75	7.00	7.95
42	000438	Lê Khánh Tường	28/10/2008	11B2	9.25	7.00	9.30
43	000446	Đặng Ngọc Uyên	12/08/2008	11B2	8.50	8.00	9.40
44	000480	Nguyễn Thị Như Ý	10/10/2008	11B2	5.75	7.00	6.60
		Tỷ lệ trên trung bình			**72.73**	**90.91**	**88.64**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000008	Lê Hoài Anh	03/12/2008	11B3	4.50	3.50	5.45
2	000028	Nguyễn Lê Thái Bảo	24/12/2008	11B3	7.50	7.50	8.35
3	000042	Phạm Thị Kim Chi	30/08/2008	11B3	5.25	6.50	8.15
4	000049	Hồ Đắc Di	24/04/2008	11B3	5.75	7.00	9.70
5	000073	Đào Mạnh Thành Đạt	14/02/2008	11B3	Vắng	Vắng	Vắng
6	000085	Nguyễn Lê Quỳnh Giao	31/03/2008	11B3	6.75	6.50	9.30
7	000097	Lê Quang Hào	26/07/2008	11B3	8.00	7.00	6.60
8	000108	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/04/2008	11B3	4.50	7.50	5.30
9	000114	Nguyễn Duy Hoàng	29/10/2008	11B3	8.50	7.50	9.50
10	000116	Trần Nguyễn Diệu Hoàng	16/07/2008	11B3	5.75	8.00	6.90
11	000133	Phùng Gia Huy	25/10/2008	11B3	2.50	5.00	8.20
12	000140	Nguyễn Phúc Gia Huy	19/04/2008	11B3	5.00	6.00	7.80
13	000148	Nguyễn Quốc Hưng	19/10/2008	11B3	5.50	4.50	9.10
14	000159	Lê Quốc Khanh	24/10/2008	11B3	5.50	6.50	9.00
15	000180	Trần Vương Anh Kiệt	05/10/2008	11B3	5.30	7.50	8.60
16	000183	Nguyễn Quang Sông Kỳ	07/05/2008	11B3	7.30	7.50	6.70
17	000191	Nguyễn Thị Liễu	02/05/2008	11B3	6.30	7.00	8.90
18	000193	Trần Gia Linh	29/09/2008	11B3	6.50	8.00	9.45
19	000198	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2008	11B3	7.50	7.50	9.20
20	000233	Nguyễn Kiều Hà Nam	28/10/2008	11B3	6.50	6.00	4.50
21	000236	Nguyễn Thành Nam	19/02/2008	11B3	7.25	6.50	9.20
22	000245	Đoàn Thùy Ngân	30/04/2008	11B3	4.50	6.50	5.15
23	000253	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/09/2008	11B3	6.25	7.00	8.15
24	000254	Võ Thị Khánh Ngọc	06/07/2008	11B3	6.75	8.00	9.90
25	000278	Nguyễn Hoàng Bảo Như	17/08/2008	11B3	5.50	6.50	9.20
26	000281	Nguyễn Lâm Tâm Như	09/03/2008	11B3	4.80	7.00	5.80
27	000298	Đặng Thái Phong	14/05/2008	11B3	6.00	7.00	8.85
28	000302	Trần Gia Phú	24/04/2008	11B3	4.51	6.00	7.95
29	000304	Lê Ngô Thanh Phú	09/04/2008	11B3	8.25	7.00	7.15
30	000316	Phạm Phương Phương	05/05/2008	11B3	3.50	7.50	8.65
31	000327	Mai Xuân Quý	05/05/2008	11B3	3.60	5.50	4.95
32	000333	Hồ Như Quỳnh	17/11/2008	11B3	4.00	5.00	3.55
33	000336	Trương Như Quỳnh	26/08/2008	11B3	2.70	5.00	3.85
34	000339	Nguyễn Trọng Hoàng Sơn	22/07/2008	11B3	5.80	5.00	6.10
35	000349	Đặng Quốc Tây	07/05/2008	11B3	8.80	7.50	8.30
36	000398	Nguyễn Tấn Tiến	20/06/2008	11B3	4.60	7.00	3.60
37	000409	Trần Xuân Trang	29/12/2008	11B3	10.00	8.50	9.90
38	000415	Bùi Nguyễn Bội Trân	13/05/2008	11B3	6.50	7.00	9.70
39	000417	Võ Thành Trí	29/09/2008	11B3	4.50	7.00	8.75
40	000427	Nguyễn Việt Trường	04/09/2008	11B3	6.75	7.00	7.75
41	000433	Ngô Gia Tuấn	21/10/2008	11B3	5.25	6.00	7.20
42	000448	Trần Ngọc Uyên	07/12/2008	11B3	5.25	8.50	7.85
43	000449	Tăng Ngọc Tường Uyên	10/05/2008	11B3	4.75	7.00	5.75
44	000456	Đinh Công Hoàng Việt	03/08/2008	11B3	7.75	6.50	9.65
45	000466	Nguyễn Đông Vy	03/12/2008	11B3	8.75	7.00	8.90
46	000470	Đặng Thảo Vy	25/12/2008	11B3	6.75	8.00	9.60
47	000475	Nguyễn Chí Vỹ	20/02/2008	11B3	1.25	3.50	3.50
		Tỷ lệ trên trung bình			**69.57**	**93.48**	**86.96**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000003	Nguyễn Nữ Quỳnh An	03/07/2008	11B4	7.75	5.50	8.85
2	000004	Ngô Trương Bảo An	25/07/2008	11B4	8.75	7.00	6.10
3	000006	Phạm Chí Anh	29/05/2008	11B4	7.50	6.50	6.60
4	000014	Phạm Nguyễn Ngọc Anh	30/06/2008	11B4	5.10	5.00	8.90
5	000020	Ngô Thương Quế Anh	05/05/2008	11B4	8.00	5.50	7.90
6	000034	Phạm Quốc Bình	24/05/2008	11B4	7.50	7.50	4.15
7	000037	Phan Ngọc Trân Châu	14/11/2008	11B4	6.75	7.00	5.50
8	000041	Nguyễn Hoài Trúc Chi	04/10/2008	11B4	8.00	7.50	8.30
9	000052	Nguyễn Hoàng Hạnh Dung	05/12/2008	11B4	7.75	7.50	9.50
10	000056	Đặng Ngọc Khang Duy	12/11/2008	11B4	7.50	5.50	4.60
11	000062	Phạm Trần Kỳ Duyên	06/02/2008	11B4	5.50	8.00	7.70
12	000069	Lê Hoàng Đạt	13/04/2008	11B4	4.50	6.50	5.10
13	000101	Hồ Thị Thu Hằng	14/06/2008	11B4	5.10	7.50	6.30
14	000118	Trần Nhật Hoàng	08/05/2008	11B4	4.25	5.50	3.85
15	000119	Nguyễn Thanh Hoàng	02/12/2008	11B4	7.75	5.00	2.55
16	000121	Cao Thị Bích Hợp	13/06/2008	11B4	7.75	6.00	8.90
17	000134	Trần Gia Huy	24/03/2008	11B4	7.50	5.50	7.00
18	000135	Nguyễn Hoàng Huy	27/09/2008	11B4	4.50	4.50	7.60
19	000165	Đào Duy Khiêm	16/01/2008	11B4	8.25	6.00	5.20
20	000178	Đặng Anh Kiệt	12/06/2008	11B4	3.00	6.00	7.70
21	000195	Trần Mai Linh	27/02/2008	11B4	6.00	7.00	7.50
22	000209	Nguyễn Đoàn Khánh Ly	29/11/2008	11B4	7.25	6.00	8.90
23	000210	Đinh Lương Nhật Ly	22/02/2008	11B4	6.75	8.00	9.20
24	000226	Nguyễn Thị Trà My	22/07/2008	11B4	Vắng	Vắng	Vắng
25	000256	Võ Đặng Phúc Nguyên	17/03/2008	11B4	5.00	7.00	6.85
26	000269	Đinh Dương Yến Nhi	13/11/2008	11B4	5.80	8.00	7.80
27	000282	Đoàn Lê Khả Như	13/11/2008	11B4	7.00	6.00	7.60
28	000283	Đoàn Lê Khánh Như	13/11/2008	11B4	5.50	7.00	6.20
29	000286	Cao Nguyễn Tố Như	27/05/2008	11B4	6.30	7.50	7.40
30	000288	Hà Vũ Quỳnh Như	31/07/2008	11B4	6.50	6.00	10.00
31	000313	Nguyễn Cao Kỳ Phương	03/11/2008	11B4	8.30	8.00	9.45
32	000317	Lê Vũ Thảo Phương	13/08/2008	11B4	8.00	6.00	9.45
33	000319	Huỳnh Bảo Nhật Quang	23/08/2008	11B4	4.50	7.50	8.45
34	000326	Võ Trọng Quý	02/02/2008	11B4	4.80	5.50	8.05
35	000330	Trần Thế Quyền	12/03/2008	11B4	5.50	6.00	4.80
36	000335	Nguyễn Như Quỳnh	15/11/2008	11B4	6.50	7.00	5.60
37	000355	Võ Minh Thành	02/12/2008	11B4	5.50	7.50	8.20
38	000358	Trần Thu Thảo	05/04/2008	11B4	6.50	8.50	7.30
39	000367	Trần Nhất Thiên	17/12/2008	11B4	5.90	5.50	5.10
40	000371	Võ Lương Thiện	25/07/2008	11B4	7.80	6.00	8.90
41	000394	Bạch Dương Anh Tiến	14/07/2007	11B4	7.00	7.50	5.20
42	000426	Trần Trọng Trung	29/12/2007	11B4	4.75	7.00	9.10
43	000430	Hồ Trần Thiên Tú	12/09/2008	11B4	9.25	8.50	9.50
44	000435	Võ Lương Tuấn	18/04/2008	11B4	1.60	4.50	2.10
45	000452	Bùi Khánh Vân	04/02/2008	11B4	6.00	8.00	9.10
46	000458	Trần Khánh Vinh	13/07/2008	11B4	8.00	5.50	7.70
47	000474	Lê Trịnh Triệu Vy	07/12/2008	11B4	5.60	7.00	5.75
		Tỷ lệ trên trung bình			**82.61**	**95.65**	**86.96**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000011	Nguyễn Hoàng Anh	20/11/2008	11B5	8.50	8.50	9.60
2	000012	Hoàng Hồng Anh	12/08/2008	11B5	4.25	6.50	7.50
3	000016	Dương Quỳnh Anh	03/11/2008	11B5	6.50	6.50	6.90
4	000018	Phạm Quỳnh Anh	26/11/2008	11B5	7.00	6.50	9.15
5	000022	Trần Hà Duyên Ngọc Ánh	13/05/2008	11B5	7.50	7.00	7.05
6	000027	Võ Hoàng Thiên Bảo	11/08/2008	11B5	6.50	6.00	2.75
7	000031	Trần Thiên Bảo	07/11/2008	11B5	8.50	7.50	2.80
8	000064	Trần Lê Dương	27/10/2008	11B5	6.75	6.00	8.70
9	000068	Đặng Chí Đạt	16/11/2008	11B5	4.75	6.50	8.20
10	000071	Lê Đạt	03/04/2008	11B5	6.75	7.00	5.10
11	000083	Phan Nguyễn Huyền Đức	29/09/2008	11B5	8.75	8.00	9.40
12	000087	Nguyễn Thị Cẩm Hà	28/11/2008	11B5	5.75	7.00	4.90
13	000088	Nguyễn Thị Sơn Hà	23/04/2008	11B5	8.50	7.50	7.50
14	000091	Đinh Nguyễn Hoàng Hải	02/12/2008	11B5	8.00	7.00	7.10
15	000107	Nguyễn Phương Bảo Hân	24/08/2008	11B5	8.75	8.00	9.90
16	000127	Đoàn Ngọc Huệ	25/09/2008	11B5	6.00	7.00	5.10
17	000143	Phan Nguyễn Ngọc Huyên	20/04/2008	11B5	7.50	5.50	8.40
18	000171	Nguyễn Trần Khôi	01/10/2008	11B5	6.80	7.00	6.00
19	000173	Nguyễn Thị Kiêm Khuê	23/10/2008	11B5	8.80	8.00	8.00
20	000206	Cao Huỳnh Khả Lợi	01/04/2008	11B5	5.75	5.50	4.25
21	000211	Phạm Thị Minh Lý	09/08/2008	11B5	8.00	8.00	10.00
22	000217	Đặng Nguyễn Ánh Minh	31/01/2008	11B5	6.00	8.00	9.20
23	000221	Phạm Nguyễn Bảo My	02/12/2008	11B5	6.25	6.00	5.10
24	000222	Trương Nguyễn Thảo My	07/02/2008	11B5	6.25	7.50	8.10
25	000228	Đoàn Trà My	19/07/2008	11B5	Vắng	7.00	9.00
26	000259	Ngô Như Nguyệt	21/02/2008	11B5	5.75	7.50	4.80
27	000263	Nguyễn Doãn Nhân	16/06/2008	11B5	5.75	8.00	6.00
28	000272	Huỳnh Nữ Tố Nhi	11/01/2008	11B5	5.00	7.00	3.50
29	000280	Nguyễn Huỳnh Gia Như	17/09/2008	11B5	6.50	8.00	8.00
30	000290	Nguyễn Kim Oanh	13/07/2008	11B5	7.00	7.00	5.35
31	000307	Cao Thương Phú	04/11/2008	11B5	10.00	7.50	8.75
32	000310	Phạm Minh Phúc	17/01/2008	11B5	5.25	5.50	7.85
33	000318	Huỳnh Hà Pô Pi	20/06/2008	11B5	6.50	6.50	8.45
34	000329	Hồ Phạm Quy Quyền	03/07/2008	11B5	5.80	6.00	3.45
35	000348	Trần Thái Tân	08/12/2008	11B5	6.00	7.50	4.00
36	000363	Nguyễn Bảo Thiên	19/09/2008	11B5	6.50	5.00	7.70
37	000369	Trần Chí Thiện	20/06/2008	11B5	6.50	5.50	4.30
38	000397	Nguyễn Nhật Tiến	09/07/2008	11B5	6.25	7.00	10.00
39	000406	Nguyễn Lam Trà	07/10/2008	11B5	7.75	7.50	9.00
40	000437	Nguyễn Anh Tùng	07/11/2008	11B5	5.10	5.50	2.85
41	000442	Lê Đặng Bích Uyên	07/05/2008	11B5	7.00	7.00	7.05
42	000443	Phan Đoàn Tú Uyên	18/02/2008	11B5	4.75	7.00	7.45
43	000444	Trần Gia Uyên	08/10/2008	11B5	8.25	8.00	7.50
44	000453	Trịnh Ái Vi	15/03/2008	11B5	8.50	8.00	9.70
45	000476	Khuất Hà Thiên Ý	25/07/2008	11B5	5.00	5.50	6.70
		Tỷ lệ trên trung bình			**93.18**	**100.00**	**77.78**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000002	Đặng Khánh An	15/12/2008	11B6	5.35	8.00	6.55
2	000024	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	13/10/2008	11B6	5.00	5.50	8.20
3	000029	Nguyễn Tăng Thái Bảo	27/01/2008	11B6	7.75	7.00	6.55
4	000030	Huỳnh Thiên Bảo	31/08/2008	11B6	6.50	6.00	8.50
5	000036	Dương Kiều Bảo Châu	10/05/2008	11B6	6.75	6.00	5.25
6	000045	Nguyễn Chí Cường	29/08/2008	11B6	7.00	6.50	5.30
7	000075	Phan Thành Đạt	28/10/2008	11B6	2.75	5.00	5.30
8	000082	Hồ Trọng Đông	10/03/2008	11B6	4.00	6.00	7.70
9	000093	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	06/08/2008	11B6	7.50	7.00	9.50
10	000104	Lê Đỗ Ngọc Hân	02/08/2008	11B6	3.50	6.00	4.50
11	000117	Trần Nhật Huy Hoàng	16/10/2008	11B6	4.75	7.50	6.25
12	000126	Tăng Kiều Kim Huệ	30/10/2008	11B6	5.50	6.50	6.80
13	000130	Huỳnh Đặng Gia Huy	28/06/2008	11B6	4.75	6.50	7.00
14	000155	Nguyễn Thị Kiêm Kha	23/10/2008	11B6	6.50	6.50	9.70
15	000161	Trần Lê Mai Khánh	21/06/2008	11B6	5.60	7.00	8.80
16	000176	Trần Lê Hải Kiên	15/11/2008	11B6	5.00	6.50	9.60
17	000177	Trần Nhật Kiên	26/05/2008	11B6	7.00	6.50	8.40
18	000219	Nguyễn Tấn Minh	02/06/2008	11B6	7.00	6.50	6.90
19	000220	Nguyễn Trần Cao Minh	20/02/2008	11B6	6.75	6.50	5.10
20	000232	Lê Hoài Nam	17/05/2008	11B6	7.25	6.50	6.00
21	000238	Nguyễn Lê Kim Ngân	26/06/2008	11B6	9.00	8.00	9.90
22	000255	Thạch Bảo Nguyên	04/12/2008	11B6	6.25	8.00	8.85
23	000270	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	01/07/2008	11B6	9.80	6.50	7.70
24	000271	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	25/10/2008	11B6	6.00	6.50	5.80
25	000300	Phạm An Di Phú	16/10/2008	11B6	4.85	7.50	8.65
26	000308	Nguyễn Hoàng Phúc	30/06/2008	11B6	9.00	5.50	9.70
27	000334	Lý Như Quỳnh	04/08/2008	11B6	6.50	6.50	8.85
28	000337	Phan Thị Như Quỳnh	23/02/2008	11B6	5.00	8.50	6.70
29	000354	Nguyễn Thiện Thanh	05/01/2008	11B6	8.00	7.50	6.90
30	000356	Trần Huỳnh Thao	01/07/2008	11B6	6.80	8.50	8.90
31	000373	Nguyễn Tấn Thiện	22/06/2008	11B6	8.30	6.50	6.90
32	000383	Đỗ Thị Thanh Thùy	07/06/2008	11B6	8.50	8.00	7.20
33	000390	Lê Vũ Anh Thư	04/12/2008	11B6	8.00	7.50	8.20
34	000393	Võ Hồng Cát Tiên	29/01/2008	11B6	4.50	7.50	7.00
35	000410	Phan Bảo Trân	14/11/2008	11B6	8.50	8.00	7.00
36	000420	Nguyễn Thị Tú Trinh	21/08/2008	11B6	5.75	6.50	5.50
37	000424	Phạm Lê Quốc Trung	26/07/2008	11B6	6.00	8.00	5.60
38	000454	Nguyễn Ngọc Tường Vi	23/11/2008	11B6	3.35	6.50	4.00
39	000457	Hoàng Ngọc Việt	21/12/2008	11B6	5.00	6.00	8.70
40	000459	Trương Nguyễn Thành Vinh	24/08/2008	11B6	7.00	6.50	5.85
41	000463	Võ Thị Phúc Vinh	22/07/2008	11B6	7.00	8.00	7.00
42	000482	Y Thị Bảo Yên	02/08/2008	11B6	9.50	8.00	9.45
43	000486	Lê Thị Như Yến	30/08/2008	11B6	5.75	5.00	3.60
		Tỷ lệ trên trung bình			**81.40**	**100.00**	**93.02**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000009	Lê Hoàng Anh	12/09/2008	11B7	8.00	6.50	6.45
2	000033	Trần Anh Bích	24/09/2008	11B7	8.25	6.50	7.95
3	000035	Nguyễn Hữu Vũ Châu	06/07/2008	11B7	5.50	6.00	8.70
4	000046	Phạm Huỳnh Cường	11/03/2008	11B7	9.25	5.50	7.50
5	000077	Nguyễn Bảo Đăng	18/05/2008	11B7	7.00	6.00	6.80
6	000094	Phan Gia Hào	21/08/2008	11B7	5.45	6.50	5.10
7	000096	Đỗ Nhật Hào	12/03/2008	11B7	7.75	6.50	7.80
8	000102	Lê Bảo Hân	21/03/2008	11B7	4.60	7.50	5.55
9	000106	Nguyễn Hồng Hân	16/08/2008	11B7	2.75	7.00	4.50
10	000129	Bùi Phi Hùng	10/01/2008	11B7	7.00	5.00	2.90
11	000151	Phạm Quỳnh Hương	05/04/2008	11B7	9.75	7.00	9.70
12	000154	Phan Nhị Kha	05/12/2008	11B7	4.75	5.50	7.80
13	000166	Tô Văn Khiêm	19/11/2008	11B7	8.25	7.00	7.50
14	000172	Phạm Trọng Khôi	08/01/2008	11B7	7.30	5.50	1.80
15	000181	Bùi Thị Thúy Kiều	13/09/2008	11B7	5.00	7.00	3.90
16	000182	Thân Lê Kin	03/10/2008	11B7	7.80	6.50	8.30
17	000224	Kiều Nữ Trà My	10/11/2008	11B7	7.25	7.50	7.50
18	000229	Huỳnh Trà My	18/11/2008	11B7	8.00	7.50	7.10
19	000251	Trần Thị Bảo Ngọc	05/06/2008	11B7	8.25	6.50	9.10
20	000252	Đặng Thị Bích Ngọc	18/08/2008	11B7	8.75	7.50	8.10
21	000273	Lê Phương Yến Nhi	24/01/2008	11B7	5.30	6.00	2.20
22	000274	Phan Thị Yến Nhi	26/08/2008	11B7	5.30	6.50	5.90
23	000279	Nguyễn Hoàng Như	16/09/2008	11B7	4.00	4.50	8.00
24	000285	Trần Nguyễn Thảo Như	30/09/2008	11B7	5.80	6.00	6.10
25	000322	Phạm Tiến Quang	11/03/2008	11B7	8.00	7.00	9.25
26	000324	Võ Nguyễn Anh Quốc	13/01/2008	11B7	7.00	5.50	3.70
27	000346	Nguyễn Thành Tâm	13/04/2008	11B7	9.50	7.00	4.20
28	000350	Đặng Thái	14/05/2008	11B7	8.50	8.50	8.10
29	000362	Mã Kim Bảo Thi	07/01/2008	11B7	8.80	6.50	7.20
30	000370	Trần Hoàng Thiện	16/07/2008	11B7	5.00	6.00	6.40
31	000381	Võ Hoàng Đoan Thục	05/10/2008	11B7	6.50	7.00	9.60
32	000386	Phan Ngọc Minh Thư	28/10/2008	11B7	7.75	7.50	5.30
33	000400	Đoàn Đức Tín	08/03/2008	11B7	1.60	5.50	2.60
34	000401	Trần Ngọc Tín	25/09/2008	11B7	6.75	6.50	2.80
35	000408	Công Thiên Trang	29/06/2008	11B7	7.25	8.00	8.10
36	000411	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	05/03/2008	11B7	6.10	7.00	6.00
37	000422	Nguyễn Huỳnh Minh Trọng	28/09/2008	11B7	2.75	6.50	3.25
38	000441	Nguyễn Duy Lan Uyên	24/11/2008	11B7	8.25	7.50	8.85
39	000451	Bùi Phương Uyên	30/10/2008	11B7	5.00	7.50	2.40
40	000455	Lương Anh Việt	02/02/2008	11B7	4.75	8.00	4.20
41	000460	Huỳnh Nhật Khánh Vinh	06/09/2008	11B7	8.50	6.00	7.15
42	000461	Nguyễn Phú Vinh	17/10/2008	11B7	5.50	5.00	8.10
43	000469	Bùi Ngọc Thảo Vy	18/11/2008	11B7	6.75	8.00	6.55
44	000483	Phan Huỳnh Phi Yến	25/03/2008	11B7	5.50	4.00	4.50
		Tỷ lệ trên trung bình			**84.09**	**95.45**	**70.45**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000010	Lê Hoàng Anh	17/03/2008	11B8	3.00	7.00	5.65
2	000026	Nguyễn Hoàng Kim Bảo	10/04/2008	11B8	2.25	6.00	6.10
3	000040	Lê Trương Bảo Châu	10/09/2008	11B8	4.00	6.50	6.50
4	000058	Nguyễn Mộng Tuyết Duyên	30/08/2008	11B8	4.25	7.00	5.90
5	000063	Nguyễn Lê Ánh Dương	11/02/2008	11B8	7.00	7.50	6.50
6	000086	Nguyễn Ngọc Kim Nhung Ha	12/01/2008	11B8	6.50	6.50	5.80
7	000100	Phạm Thị Bích Hằng	31/12/2008	11B8	7.00	7.00	7.30
8	000109	Dương Phúc Hậu	05/10/2008	11B8	4.75	7.00	6.60
9	000111	Dương Minh Hiện	20/10/2008	11B8	2.75	6.50	8.95
10	000122	Phan Văn Hợp	18/03/2008	11B8	4.75	2.00	3.10
11	000123	Nguyễn Quốc Huân	25/03/2008	11B8	3.10	6.00	4.50
12	000128	Nguyễn Thị Huệ	18/03/2008	11B8	4.75	6.50	7.70
13	000147	Phạm Gia Hưng	06/01/2008	11B8	4.50	4.50	7.50
14	000149	Lê Việt Hưng	15/12/2008	11B8	8.00	5.00	6.10
15	000164	Nguyễn Văn Khánh	08/10/2008	11B8	3.75	4.50	6.00
16	000174	Nguyễn Bùi Cao Khương	23/04/2008	11B8	6.00	6.50	7.80
17	000184	Đặng Thiên Kỳ	17/08/2008	11B8	3.00	5.50	2.80
18	000190	Y Liêng	17/06/2008	11B8	4.80	6.50	5.70
19	000216	Trần Hà Thanh Minh	29/08/2008	11B8	9.00	6.50	9.05
20	000242	Nguyễn Phan Kim Ngân	12/11/2008	11B8	6.75	7.00	6.50
21	000246	Nguyễn Tấn Nghĩa	19/01/2008	11B8	5.00	6.50	4.00
22	000249	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	17/03/2008	11B8	5.75	8.00	2.60
23	000257	Phạm Tường Nguyên	15/10/2008	11B8	5.75	7.00	6.10
24	000262	Lương Công Thiện Nhân	30/05/2008	11B8	6.50	6.50	5.05
25	000265	Nguyễn Thanh Nhân	02/07/2008	11B8	4.10	5.00	8.80
26	000275	Y Nhòa	03/07/2008	11B8	3.50	6.50	6.80
27	000303	Đỗ Huỳnh Xuân Phú	06/04/2008	11B8	8.00	5.50	7.80
28	000328	Đặng Bùi Hồng Quyên	15/07/2008	11B8	4.30	7.00	7.15
29	000351	Huỳnh Tô Quốc Thái	16/08/2008	11B8	4.00	7.00	7.90
30	000382	Phan Nguyễn Thị Thu Thùy	01/01/2008	11B8	5.80	6.00	5.50
31	000387	Lưu Nguyễn Anh Thư	06/08/2008	11B8	2.75	3.50	8.40
32	000389	Võ Thị Minh Thư	12/03/2008	11B8	5.75	7.00	6.30
33	000405	Nguyễn Trần Thanh Toàn	26/11/2008	11B8	5.25	6.50	6.00
34	000418	Phan Túc Trí	24/02/2008	11B8	4.60	7.00	8.10
35	000439	Phạm Thị Ngọc Tường	31/10/2008	11B8	2.00	6.50	4.15
36	000464	Lê Hồ Anh Vũ	08/03/2008	11B8	5.50	5.00	8.00
37	000468	Hà Khánh Vy	16/12/2008	11B8	5.25	6.00	5.00
38	000485	Nguyễn Ngọc Yến	11/04/2008	11B8	6.00	5.00	9.10
		Tỷ lệ trên trung bình			**47.37**	**89.47**	**84.21**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000015	Lương Nguyễn Quốc Anh	02/01/2008	11B9	5.25	6.00	7.20
2	000044	Phan Vạn Ái Cơ	23/01/2008	11B9	3.75	8.00	8.65
3	000051	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	06/09/2008	11B9	9.25	7.50	9.50
4	000070	Phan Hoàng Đạt	05/01/2008	11B9	6.50	6.00	8.90
5	000080	Nguyễn Minh Đăng	21/04/2008	11B9	7.00	7.00	8.40
6	000105	Lữ Hoàng Bảo Hân	22/02/2008	11B9	5.25	8.00	6.75
7	000113	Phan Thị Như Hoài	18/04/2008	11B9	6.25	8.00	4.90
8	000115	Nguyễn Huy Hoàng	04/03/2008	11B9	6.00	6.00	8.25
9	000132	Đỗ Gia Huy	29/09/2008	11B9	4.25	5.00	3.70
10	000137	Bùi Lê Gia Huy	20/03/2008	11B9	9.25	5.00	9.90
11	000142	Phạm Trần Nhật Huy	18/01/2008	11B9	6.25	5.00	6.70
12	000144	Lê Chính Hưng	15/10/2008	11B9	5.75	5.50	8.30
13	000162	Đoàn Ngọc Khánh	01/09/2008	11B9	2.00	5.00	8.40
14	000163	Đỗ Nguyễn Ngọc Khánh	16/10/2008	11B9	6.25	8.00	9.30
15	000169	Đỗ Tài Đăng Khoa	01/03/2008	11B9	6.80	6.00	9.20
16	000189	Trần Thị Bích Liên	06/02/2008	11B9	3.00	7.50	5.40
17	000204	Nguyễn Tuấn Lộc	20/01/2008	11B9	6.25	7.00	5.60
18	000212	Ngô Hoàng Mai	01/05/2008	11B9	5.85	7.00	7.20
19	000227	Đặng Trà My	20/07/2008	11B9	3.75	6.50	6.90
20	000230	Nguyễn Thái Hoàng Mỹ	07/01/2008	11B9	9.25	7.50	9.10
21	000258	Trần Võ Minh Nguyên	22/12/2008	11B9	4.25	7.00	8.10
22	000260	Lê Mạnh Gia Ngữ	12/06/2008	11B9	7.75	8.00	9.50
23	000276	Phan Ái Như	18/11/2008	11B9	5.00	7.00	9.40
24	000292	Bùi Gia Phát	12/07/2008	11B9	6.25	6.50	6.00
25	000293	Lê Tấn Phát	19/01/2008	11B9	8.50	6.00	9.90
26	000294	Nguyễn Tiến Phát	03/06/2008	11B9	8.25	6.50	7.80
27	000295	Trương Hoàng Phong	26/05/2008	11B9	9.50	6.50	7.60
28	000306	Nguyễn Thành Phú	16/03/2008	11B9	3.00	5.50	8.80
29	000311	Đoàn Ngọc Bảo Phúc	02/07/2008	11B9	7.50	7.50	9.10
30	000341	Nguyễn Thị Như Tài	26/06/2008	11B9	5.50	7.00	5.30
31	000359	Ngô Trần Thanh Thảo	02/01/2008	11B9	8.00	8.00	8.90
32	000360	Bùi Ngọc Thắng	15/07/2008	11B9	5.30	6.00	5.50
33	000365	Đỗ Hòa Gia Thiên	26/03/2008	11B9	7.80	7.00	8.10
34	000368	Nguyễn Nhật Minh Thiên	29/10/2008	11B9	6.50	6.50	5.50
35	000392	Lê Phan Hoài Thương	30/03/2008	11B9	3.35	8.00	4.30
36	000403	Bùi Thị Thủy Tình	28/11/2008	11B9	6.25	8.50	9.20
37	000407	Tạ Nguyễn Hoàng Trang	02/10/2008	11B9	5.00	8.00	6.40
38	000414	Đinh Nguyễn Bảo Trân	07/04/2008	11B9	5.50	6.50	3.30
39	000428	Nguyễn Anh Tú	22/04/2008	11B9	4.00	6.50	3.50
40	000440	Trần Trương Nguyên Tường	31/08/2008	11B9	5.00	8.00	7.00
41	000450	Lê Nguyễn Hoàng Uyên	16/09/2008	11B9	8.50	7.50	8.40
42	000465	Nguyễn Minh Vũ	09/08/2008	11B9	6.50	6.50	6.90
43	000477	Lương Thị Huỳnh Ý	11/01/2008	11B9	7.00	7.00	8.60
44	000478	Nguyễn Thị Ngọc Ý	24/07/2008	11B9	7.75	7.00	8.45
45	000481	Trần Nguyễn Khánh Yên	22/11/2008	11B9	6.75	6.50	9.30
46	000484	Lê Mỹ Yến	16/01/2008	11B9	6.75	6.00	8.55
		Tỷ lệ trên trung bình			**80.43**	**100.00**	**89.13**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000005	Lê Bùi Nguyên Anh	06/08/2008	11B10	9.00	9.00	5.30
2	000019	Trần Thị Kiều Anh	11/11/2008	11B10	5.50	7.00	7.05
3	000021	Nguyễn Vũ Anh	29/12/2008	11B10	4.25	6.50	6.90
4	000023	Nguyễn Ngọc Ánh	09/01/2008	11B10	8.25	6.50	8.90
5	000048	Bùi Việt Cường	06/04/2008	11B10	9.75	6.50	5.75
6	000067	Nguyễn Linh Đan	01/01/2008	11B10	8.25	6.50	9.20
7	000079	Nguyễn Huỳnh Hoàng Đăng	03/12/2007	11B10	6.75	8.00	9.00
8	000084	Trương Thị Thu Giang	13/11/2008	11B10	9.50	7.50	9.10
9	000090	Hồ Minh Hải	12/12/2008	11B10	5.50	6.50	9.50
10	000098	Nguyễn Võ Đông Hào	26/09/2008	11B10	4.00	6.00	6.40
11	000125	Giáp Bùi Gia Huệ	01/07/2008	11B10	7.75	6.50	9.10
12	000152	Phan Long Hy	01/05/2008	11B10	8.50	5.50	3.80
13	000156	Huỳnh Lâm Nhật Khang	26/03/2008	11B10	5.75	4.50	7.60
14	000158	Trần Thanh Khang	29/02/2008	11B10	8.50	4.50	5.80
15	000167	Nguyễn Diệp Khoa	24/02/2008	11B10	5.35	5.00	4.20
16	000185	Huỳnh Vĩnh Kỳ	23/12/2008	11B10	7.80	6.50	5.60
17	000187	Huỳnh Thị Hương Lan	26/11/2008	11B10	7.80	9.00	6.80
18	000188	Lê Khánh Lâm	27/12/2008	11B10	7.80	7.00	8.10
19	000196	Đặng Phương Linh	24/08/2008	11B10	6.50	7.50	7.65
20	000197	Đỗ Phương Linh	23/11/2008	11B10	8.75	8.50	7.80
21	000225	Đàm Thảo My	09/07/2008	11B10	8.00	8.00	9.10
22	000234	Nguyễn Nhất Nam	16/07/2008	11B10	5.50	6.50	7.80
23	000237	Nguyễn Hoàng Ngân	28/10/2008	11B10	8.50	8.00	8.80
24	000239	Nguyễn Lê Kim Ngân	26/11/2008	11B10	9.25	8.00	9.60
25	000243	Phạm Thị Kim Ngân	18/11/2008	11B10	7.25	7.50	9.05
26	000248	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	25/10/2008	11B10	7.75	7.50	7.70
27	000250	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	11/12/2008	11B10	8.50	8.00	7.05
28	000264	Đỗ Hữu Nhân	31/05/2008	11B10	4.75	6.50	6.85
29	000291	Phạm Thị Kim Oanh	17/07/2008	11B10	8.75	7.50	6.20
30	000296	Đỗ Kiến Phong	19/08/2008	11B10	5.25	6.50	8.40
31	000331	Nguyễn Châu Nhật Quỳnh	01/02/2008	11B10	7.30	8.00	5.95
32	000357	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/03/2008	11B10	6.00	8.00	6.60
33	000361	Phạm Huỳnh Anh Thi	16/12/2008	11B10	6.30	8.00	7.00
34	000374	Phan Trí Thiện	12/09/2008	11B10	9.50	5.50	6.20
35	000375	Ngô Đinh Tuấn Thịnh	25/02/2008	11B10	6.50	3.00	6.00
36	000378	Nguyễn Tiến Thịnh	31/01/2008	11B10	8.50	7.00	7.10
37	000385	Võ Đặng Anh Thư	07/09/2008	11B10	5.35	7.50	7.50
38	000399	Trần Thị Ngọc Tiến	23/06/2008	11B10	6.75	8.50	6.10
39	000419	Nguyễn Lê Thảo Trinh	03/12/2008	11B10	6.50	8.00	6.90
40	000421	Lê Võ Thảo Trinh	23/12/2008	11B10	8.25	8.00	9.10
41	000436	Phạm Thái Tuấn	13/12/2008	11B10	10.00	8.00	6.75
42	000445	Bùi Khánh Uyên	01/05/2008	11B10	8.00	7.50	8.40
43	000467	Nguyễn Hoàng Bảo Vy	09/09/2008	11B10	6.00	8.50	6.60
44	000473	Trần Thu Vy	11/08/2008	11B10	9.50	6.00	8.55
		Tỷ lệ trên trung bình			**93.18**	**93.18**	**95.45**

BẢNG ĐIỂM KỲ THI: KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 11 - 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
1	000007	Lê Đức Anh	01/01/2008	11B11	3.00	3.00	6.05
2	000017	Nguyễn Quỳnh Anh	18/07/2008	11B11	8.00	6.00	7.55
3	000047	Nguyễn Cường	06/04/2008	11B11	6.75	5.50	5.05
4	000050	Nguyễn Thiên Di	01/11/2007	11B11	8.50	6.00	9.90
5	000076	Nguyễn Tiến Đạt	20/07/2008	11B11	7.75	6.50	9.00
6	000081	Lương Công Điền	09/12/2008	11B11	6.75	6.50	8.80
7	000095	Trương Gia Hào	28/04/2008	11B11	4.75	3.50	8.40
8	000112	Trần Bá Hoài	03/06/2008	11B11	1.75	5.50	2.75
9	000145	Phạm Đăng Hưng	04/01/2008	11B11	9.75	7.00	8.20
10	000153	Huỳnh Nguyễn Trung Kha	12/02/2008	11B11	5.85	5.50	6.20
11	000175	Trương Gia Kiên	07/01/2008	11B11	8.50	6.00	9.40
12	000194	Phạm Lê Hà Linh	03/05/2008	11B11	7.00	7.50	9.30
13	000200	Huỳnh Quốc Lĩnh	02/07/2008	11B11	7.50	6.00	6.90
14	000203	Nguyễn Tấn Lộc	21/11/2008	11B11	7.25	5.50	7.25
15	000213	Lê Ái Mẫn	06/03/2008	11B11	7.75	7.50	9.70
16	000214	Lê Bình Minh	21/02/2008	11B11	5.60	5.50	9.85
17	000218	Nguyễn Quang Minh	16/10/2008	11B11	9.75	5.00	8.50
18	000231	Lương Công Nam	15/11/2008	11B11	8.75	6.50	9.40
19	000241	Phan Nguyễn Hoàng Ngân	11/07/2008	11B11	6.75	7.00	9.50
20	000244	Trần Thiên Ngân	28/12/2008	11B11	5.00	7.50	6.15
21	000268	Huỳnh Tấn Nhật	04/03/2008	11B11	7.50	7.00	7.20
22	000277	Dương Bùi Phúc Như	06/01/2008	11B11	8.00	6.50	9.90
23	000299	Nguyễn Thế Phong	21/05/2008	11B11	8.00	5.50	9.70
24	000301	Nguyễn Bùi Gia Phú	23/12/2008	11B11	7.00	6.50	9.10
25	000305	Lê Thành Phú	10/11/2008	11B11	4.00	5.00	9.10
26	000312	Cao Hoàng Phước	18/11/2008	11B11	6.50	6.00	8.90
27	000325	Nguyễn Giáp Hải Quy	13/05/2008	11B11	8.80	6.50	9.45
28	000332	Trần Ngọc Như Quỳnh	28/05/2008	11B11	8.00	6.50	6.85
29	000343	Nguyễn Huỳnh Minh Tâm	18/05/2008	11B11	5.50	7.00	7.10
30	000344	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	11/09/2008	11B11	3.60	7.00	4.30
31	000364	Trần Cao Thiên	21/10/2008	11B11	8.30	5.50	6.60
32	000379	Lê Thị Ngân Thu	03/07/2008	11B11	7.80	6.50	8.50
33	000388	Đào Thị Anh Thư	05/06/2008	11B11	6.25	8.00	7.90
34	000396	Nguyễn Minh Tiến	21/09/2008	11B11	6.25	6.50	3.10
35	000404	Trần Quốc Toàn	27/12/2008	11B11	7.00	7.50	7.30
36	000412	Ngô Ngọc Trân	30/11/2008	11B11	5.25	8.00	6.25
37	000423	Lê Hữu Trọng	15/08/2008	11B11	8.75	7.00	9.20
38	000431	Trần Anh Tuấn	05/01/2008	11B11	3.75	7.50	7.80
39	000447	Võ Ngọc Phương Uyên	04/11/2008	11B11	8.50	6.50	8.90
40	000462	Nguyễn Thế Vinh	17/11/2008	11B11	6.60	6.50	4.85
41	000471	Võ Thị Hạ Vy	14/03/2008	11B11	6.50	7.00	8.70
42	000472	Phan Thị Thanh Vy	16/03/2008	11B11	6.50	4.50	8.05
		Tỷ lệ trên trung bình			**85.71**	**92.86**	**90.48**